

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/HS-PT

Ngày: 29-7-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Rung K' Nhon

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Công Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2025/TLPT- HS ngày 13 tháng 6 năm 2025, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Lâm Đồng)

**Các bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Đào Đình T**; sinh năm 1972 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 2, đường 53, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; (Số 2, đường 53, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Đào Văn M (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Kim V; Vợ: Trần Thị Phương L; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019 nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê T A**; sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn 1, xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng (thôn 1, xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Th; con bà: Thái Thị L; vợ: Vũ Thị L; con: có 01 người

con sinh năm 2023; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/09/2024 cho đến nay tại xã Hòa Bắc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

\* *Người bào chữa cho bị cáo Lê T A:* Luật sư Nguyễn Kim Đồng – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu Mừng; thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đào Đình T là giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS có ngành nghề buôn bán phân bón và hóa chất. Sau khi Lê T A liên hệ đặt mua 09 (chín) tấn phân bón DAP 18-46-0 với giá 7.000 đồng/kg thì T tra cứu trên mạng xã hội tìm kiếm và liên hệ với Công ty TNHH đầu tư và thương mại Phương Thảo để mua 09 (chín) tấn phân bón có thành phần chính gồm: đạm, lân hữu cơ xuất xứ Trung Quốc với giá tiền 51.300.000 đồng. Bị cáo T đã tìm mua được 180 vỏ bao bì có đặc điểm tên phân bón là DAP, hàm lượng 18-46-0, màu trắng sọc vàng, có các dòng chữ PHILIPPINES chạy dọc thân bao của một số lái xe (không rõ nhân thân lai lịch) tại Khu công nghiệp Thái Hòa 3 ở Long An hết 1.860.000đ (gồm lần thứ nhất mua 80 vỏ bao với giá 9.500 đồng/bao hết 760.000 đồng; Lần thứ 2 mua 100 vỏ bao với giá 11.000 đồng/bao hết 1.100.000 đồng) .

Đến ngày 04/01/2024, T mua của Công ty Cổ phần tập đoàn VINACAM (địa chỉ: 26 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) 03 (ba) tấn phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ RUSSIA (Nga), là phân bón nhập khẩu đảm bảo chất lượng, chính ngạch có đầy đủ giấy tờ pháp lý kèm theo. Sau đó, T lấy các giấy tờ liên quan và thông tin của lô phân bón này rồi tự thiết kế, in hình con dấu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Việt T Chemical do T làm giám đốc, để làm tem phụ gắn vào từng bao lô phân bón DAP 18 – 46 - 0 mà T làm bán cho Lê T A.

Khi có đủ nguyên liệu, bao bì và tem phụ, T liên hệ với Phạm Trung Tiến, Giám đốc Công ty TNHH phân bón Thiên Mã ký hợp đồng thuê máy móc, nhân công thực hiện việc gia công, đóng gói bao bì với giá 500.000 đồng/tấn, còn về vỏ bao bì và chất lượng sản phẩm thì do Đào Anh T chịu trách nhiệm. Sau đó, T thuê xe chở nguyên liệu phân bón, bao bì, tem phụ đến chi nhánh sản xuất của Công ty TNHH phân bón Thiên Mã để đóng gói bao bì. Tổng chi phí để đóng gói 09 (chín) tấn phân bón DAP 18-46-0 là 4.500.000 đồng. Hình thức đóng gói

được thỏa thuận là mỗi bao phân bón có trọng lượng nguyên liệu 50kg, không tuân theo công thức, hàm lượng, quy chuẩn nào.

Sau khi sản xuất xong số phân bón, T bán cho Lê T A 02 tấn với tổng số tiền là giá 63.000.000 đồng (*chưa bao gồm chi phí vận chuyển, bốc vác và xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng với đơn giá ghi trong hóa đơn là 4.600 đồng/kg*) gồm:

Lần thứ 1: Vào ngày 08/01/2024, bị cáo T bán cho bị cáo Lê T A 04 tấn phân bón DAP 18-46-0. Sau khi nhận hàng, thông qua giới thiệu của Nguyễn Thị Thanh Huyền, là cộng tác viên tiếp thị phân bón của Công ty TNHH xuất nhập khẩu VICHEMS, vào tháng 3/2024, T Anh bán cho chị Phạm Kim Thúy 02 tấn phân bón DAP 18-46-0 với giá 28.000.000. Việc mua bán có xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000019 ngày 13/3/2024 và hóa đơn giá trị gia tăng số 00000044 ngày 03/06/2024 do Công ty TNHH xuất nhập khẩu VTCHEMS ghi giá là 4.600 đồng/kg (giá hóa đơn ghi không đúng với thực tế). Trong lần mua bán này, Huyền được hưởng hoa hồng môi giới là 300đ/01kg.

Lần thứ 2: Vào ngày 16/04/2024, bị cáo Đào Đình T bán cho bị cáo Lê T A 05 tấn phân bón DAP 18-46-0. Sau khi nhận hàng, Lê T A đã bán và sử dụng số phân bón như sau:

- Bán cho Nguyễn Thanh Vũ 750kg với giá 11.000đ/01kg được 8.250.000đ;
- Bán cho Vũ Đình Bắc 01 tấn với giá 11.000đ/01kg để trừ tiền nợ cho gia đình bố vợ (Vũ Đình Nam) được 11.000.000đ.
- Bán cho Nguyễn Thị Thùy Dương 03 tấn với giá 11.000đ/01kg được 33.000.000đ, nhưng chưa lấy được tiền.
- Cho bố vợ là Vũ Đình Nam 01 tấn phân bón DAP 18-46-0 để bón vườn.

Ngoài ra, bị cáo Lê T A bán lẻ phân bón DAP 18-46-0 cho một số hộ dân (không rõ nhân thân lai lịch) khác khoảng 500kg cùng với giá 11.000đ/01kg được 5.500.000đ. Số còn lại T Anh sử dụng bón phân cho vườn của T Anh hết.

Tổng cộng, từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024, Lê T A đã bán được 7.250kg phân bón DAP 18-46-0 với tổng số tiền 85.750.000 đồng, đã thu được 52.750.000đ, chi phí vận chuyển 3.600.000đ.

Đến ngày 12/08/2024, bị cáo Lê T A tự nguyên giao nộp 01 (một) bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ PHILIPPINES đã mua của Đào Đình T còn nguyên vẹn, chưa qua sử dụng.

Theo Thông báo kết quả giám định số: 00094/N3.24/TD ngày 22/07/2024 và số: 00114/N3.24/TD ngày 30/08/2024 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo

lượng chất lượng 3 – Quatest 3 kết luận đối với 39 bao phân bón DAP 18-46-0, xuất xứ PHILIPPINES ( 38 bao thu tại cửa hàng Phạm Kim Thúy và 01 bao do Lê T A giao nộp): Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu (hàm lượng nitơ (N) tổng, % (m/m) (6,95/ *mức quy định 18*) và Hàm lượng photpho hữu hiệu tính theo o xít photphoric (P2O5), % (m/m) là (0,84/ *mức quy định là 46*) không phù hợp với mức quy định.

Theo công văn số 2156/SNN-TTBVTV ngày 30/08/2024 và 407/SNN-TTBVTV ngày 09/09/2024 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng kết luận: Loại phân bón mẫu “Phân bón DAP” được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, kết luận giám định là phân bón có hàm lượng 02 chất chính lần lượt là đạm tổng số (Ns) đạt 42,63%, hàm lượng lân hữu hiệu (P2O5hh) đạt 1,92% so với mức tối thiểu quy định tại STT1, Bảng 4, Phụ lục I của QCVN 01-189:2019/BNNT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT, nên là phân bón giả theo quy định.

Theo kết luận định giá tài sản số 56/KL- HĐ ĐGTS ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bảo Lâm kết luận:

- Giá trị 01 kg phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE vào thời điểm tháng 6/2024 là 21.500 đồng/kg.

- Giá trị 1.900kg (tương đương 38 bao) phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE vào thời điểm tháng 6/2024 là 40.850.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 39 bao phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE, loại 50kg/01 bao (tương đương 1.950kg) bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm thu giữ có tổng trị giá là 41.925.000 đồng.

Đối với số phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE mà Đào Đình T và Lê Anh T khai nhận đã mua bán còn lại là 7.050kg (9.000kg - 1.950kg bị thu giữ), sau khi mua, các hộ dân đã sử dụng hết không thu hồi được, nên không có căn cứ để giám định. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đào Đình T, Lê Anh T đối với số lượng phân bón này.

Ngoài ra, Đào Đình T và Lê T A còn tiến hành giao dịch mua bán một số loại phân bón NPK như NPK 16-16-8; 16-16-16; 17-17-17;... Sau đó, T Anh đã bán lẻ cho nhiều người khác và sử dụng hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm không thu giữ được mẫu vật để trưng cầu giám định nên không có căn cứ để xử lý.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSBL ngày 11/03/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đào Đình T về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”, theo điểm a khoản 1 điều 195 Bộ luật hình sự;

truy tố bị cáo Lê T A về tội “*buôn bán hàng giả là phân bón*”, theo điểm a khoản 1 Điều 195 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số 48/2025/HSST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (*Tòa án nhân dân khu vực 4, Lâm Đồng*) đã tuyên xử.

Tuyên bố bị cáo Đào Đình T phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Đình T 21 (*Hai mươi một*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đào Đình T số tiền 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Tuyên bố bị cáo Lê T A phạm tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê T A 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê T A số tiền 30.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài tra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đào Đình T, Lê T A kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về vụ án cũng như đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo như sau.

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 195; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Đình T 21 (hai mươi một) tháng tù, xử phạt bị cáo Lê T A 15 (mười lăm) tháng tù là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, hoặc xin chuyển sang hình phạt khác, đồng thời có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đó là các bị cáo đã nộp toàn bộ khoản tiền nộp phạt bổ sung, bị cáo T xuất trình thêm đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, bị cáo T Anh xuất trình thêm

giấy khen của Công an tỉnh về thành tích tham gia cứu hộ cứu nạn ở thủy điện Đa dân. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, Lâm Đồng), giảm hình phạt cho mỗi bị cáo 03 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận, không bào chữa gì và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê T A trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét thêm cho bị cáo Lê T A các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau :

Thứ nhất: Căn cứ vào diễn biến hành vi, bị cáo T Anh không tham gia cùng với bị cáo Đình T trong quá trình sản xuất phân bón giả, được thể hiện sau khi bị cáo T Anh đặt mua phân bón, bị cáo T mới thực hiện các công đoạn mua phân bón, thuê kho xưởng, in bao bì pha trộn, đóng bao...vv.

Thứ hai: Bị cáo T Anh làm nông, mục đích mua phân bón để chăm sóc cho cây trồng trong của chính bị cáo và người thân trong gia đình (bố vợ, chú vợ); phần còn lại bị cáo T Anh bán cho một số người khác nhằm bù đắp một phần chi phí vận chuyển. Thực tế cũng đã chứng minh, bị cáo T Anh sử dụng 02 tấn để bón cho cà phê của chính bị cáo; để lại cho ông ông Nam (bố vợ bị cáo) 01 tấn để bón cho cây trồng của gia đình ông Nam; để lại cho ông Bắc (chú ruột vợ) 01 tấn để bón cho cây trồng của gia đình ông Bắc.

Thứ ba: Khi bị phát hiện, chính bị cáo T Anh chưa biết là phân giả, được thể 2 hiện thông qua hành vi *“đi gặt lại những nơi đã bán phân lấy lại 01 bao phân bón còn nguyên vẹn”* để giao nộp cho Cơ quan có thẩm quyền. Hành vi của bị cáo đã tích cực và góp phần làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Đình T.

Thứ tư: Từ diễn biến của hành vi bị cáo T Anh thực hiện với bị cáo T thể hiện vai trò bị cáo T Anh là đồng phạm với bị cáo Đình T; trong đó vai trò của bị cáo T Anh là thứ yếu *“không cùng với bị cáo Đình T thực hiện cả chuỗi hành vi mà hành vi bị cáo Đình T thực hiện như thuê kho xưởng, in bao bì pha trộn, đóng bao...”*. Tuy nhiên bản án Bản án sơ thẩm số 48/2025/HSST chưa áp dụng cho bị cáo T Anh theo quy định khoản 2 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Thứ năm: Sau khi xét xử, bị cáo T Anh thực hiện ngay việc nộp tiền phạt bổ sung tại Cơ quan có thẩm quyền (xin nộp ngay nhưng Cơ quan THADS không thu, sau khi có đơn đề nghị mới được chấp nhận) nộp ngày 25/7/2025; thể hiện bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình thực hiện.

Thứ sáu: Về nhân thân bị cáo T Anh có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra, bị cáo T Anh xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự; có thành tích *“Xuất sắc*

trong công tác cứu nạn cứu hộ hầm thủy điện Đa Dâng- Đa chomo thôn Păng tiên, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng (nay là thuộc phường Lang Biang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)” được “Công an Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng Giấy khen”, theo Quyết định số 46/QĐ-PCCC-P9 ngày 12/01/2015. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo còn phụ giúp cha mẹ nuôi em bị tật nguyên bẩm sinh. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Lê T A được hưởng án treo.

- Các bị cáo Đào Đình T, Lê T A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm.

- Chủ tọa công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, lời trình là trùng khớp với lời khai của các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi phạm tội là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Thủ tục kháng cáo: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo đúng về nội dung và hình thức, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục kháng cáo, do đó kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ có đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yếu tố cấu thành tội phạm của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản lời khai, vật chứng, tài liệu thu giữ trong hồ sơ thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định. Trong thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024, bị cáo Đào Đình T đã tự mua nguyên liệu, bao bì, làm tem phụ và thuê máy móc, nhân công đóng gói để sản xuất hàng giả là phân bón nhãn hiệu DAP 18-46-0, PHILIPPINE tại thành phố Hồ Chí Minh và bán cho bị cáo Lê T A với số lượng 9.000kg được 63.000.000 đồng, thu lợi 58.500.000 đồng. Bị cáo Lê T A đã tặng cho, sử dụng và bán lại 7.250kg phân bón trên cho các hộ dân ở huyện Bảo Lâm và huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng với tổng số tiền 85.750.000 đồng, đã thu được 52.750.000đ, thu lợi 49.150.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước trên lĩnh vực sản xuất buôn bán hàng hoá là phân bón, gây thiệt hại cho xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển tình hình kinh tế, xã hội. Do vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Đào Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê T A đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 195 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đào Đình T về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”, tuyên bố bị cáo Lê T A phạm tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo thì thấy rằng. Các bị cáo Đào Đình T, Lê T A là người trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi sản xuất buôn bán hàng giả là phân bón đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại cho xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội, nhất là ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng cây trồng của người nông dân và người tiêu dùng; ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của nhãn hàng, các doanh nghiệp sản xuất buôn bán hàng hoá là phân bón đảm bảo chất lượng đồng thời gây mất lòng tin của người tiêu dùng đối với cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh phân bón. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh, tuy nhiên xét về nhân thân của các bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội các bị cáo đã biết ăn năn hối cải, đồng thời sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền phạt bổ sung là 70.000.000đ trong đó bị cáo T nộp 40.000.000đ, bị cáo 30.000.000đ, điều này thể hiện rõ các bị cáo đã thực sự biết ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo T xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo Lê Anh T xuất trình thêm giấy khen của Công an tỉnh tặng thưởng do có thành tích xuất sắc trong thời gian tham gia nghĩa vụ Công an. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Áp dụng điều 35 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đào Đình T, Lê T A. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Đào Đình T phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón*”.

Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội “*Buôn bán hàng giả là phân bón*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Đình T 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) mà bị cáo Đào Đình T đã nộp (biên lai số: 0000308 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng)

Xử phạt bị cáo Lê T A 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) để sung công Nhà nước. Được trừ vào số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu đồng*) mà bị cáo Lê T A đã nộp (biên lai số: 0000302 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng GD, TT, KT&THA (04);
- TAND khu vực 4 (10);
- VKSND khu vực 4 (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (03);
- Văn phòng TAND tỉnh (01);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Hoàng Rung K’ Nhon**

